

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/DS-PT

Ngày: 05/ 01/2018

V/v kiện tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Dụ.

Ông Lương Văn Can.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình: Ông Bùi Đức Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2017/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc kiện tranh chấp quyền sử dụng đất. Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST, ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2017/QĐ-PT ngày 12/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q - Sinh năm 1972. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D - Sinh năm: 1963 Có mặt.

Bà Nguyễn Thị B - Sinh năm: 1967 .Có mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm D, xã M, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lỗ Hữu T.
Địa chỉ: Văn phòng luật sư Lỗ Hữu T, Đoàn luật sư tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị B, là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 7 năm 2014 và quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q cho rằng:* Gia đình bà có thửa đất trồng cây lâu năm tại Đồi Mè thuộc xóm D, xã M, huyện K, tỉnh Hòa Bình. Số thửa 294, tờ bản đồ 31, diện tích 2923,1m² đất đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt là Giấy CNQSD đất) mang tên hộ ông Nguyễn Văn C. Nguồn gốc đất là do gia đình bà mua lại các hộ ông Vũ Văn B ngày 13/10/2006, hộ ông Nguyễn Văn L ngày 16/4/2007, hộ ông Nguyễn Văn T ngày 22/11/2006 đều trú tại: Xóm D, xã M, huyện K, tỉnh Hòa Bình. Khi mua diện tích đất trên chưa hộ nào được cấp Giấy chứng nhận QSD đất, đất do 03 hộ này khai hoang phục hóa từ năm 1981 (đất trồng cây lâu năm) và vợ chồng bà có được bố mẹ chồng cho 594m² đất ở và một khoảng đất sau đồi, sau thửa 194 không có diện tích cụ thể. Từ đó gia đình bà sử dụng ổn định không có tranh chấp. Đến ngày 05/9/2007 gia đình bà đã làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận QSD đất. Cơ quan chuyên môn đã về thẩm định hồ sơ, xác định thực trạng, ranh giới. Đến ngày 28/11/2007 thì UBND huyện K cấp Giấy CNQSD đất đối với diện tích đất trên.

Ngày 04/6/2012 gia đình bà đã chuyển nhượng một phần diện tích đất trên cho hộ anh Trịnh Bá Ch và chị Bùi Thị H. Hai bên đã làm hợp đồng và trích đo thửa đất (trích làm 02 thửa). Từ ngày 29/8/2012 đến ngày 21/9/2012 gia đình đã tiến hành san ủi mặt bằng thửa đất trên. Khi cán bộ địa chính xuống làm mốc giới giữa hai gia đình bà và gia đình ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị B, thì bà B đã tự đi cắm mốc và đã lấn sang đất của gia đình bà, dẫn đến tranh chấp giữa hai hộ và việc chuyển nhượng với hộ anh Ch không thành.

Do đó, bà khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị B trả lại cho gia đình diện tích đất đã lấn chiếm là 895m² và đề nghị Tòa án xác nhận bà được sử dụng hợp pháp đối với toàn bộ diện tích đất 2.923,1m² theo Giấy CNQSD đất mà hộ gia đình đã được cấp.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn D cho rằng:*

Năm 1987 sau khi ông D xây dựng gia đình với bà B thì bố mẹ ông D là ông Nguyễn Thế V, bà Đinh Thị Th đã cho hai vợ chồng ra ở riêng đã chia cho một phần đất thổ cư và một mảnh đất trồng sắn nay trồng rừng, từ đó đến nay vợ chồng ông vẫn canh tác sử dụng. Hiện nay số diện tích đất trên vẫn chưa được cấp Giấy CNQSD đất vì điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên gia đình ông bà cũng không biết cụ thể diện tích của mảnh đất trên là bao nhiêu.

Ngày 15/01/2006 tại gia đình anh Vũ Đức H (con ông Vũ Văn B) đã cùng nhau tiến hành xác nhận bờ rào ranh giới đất gia đình anh Hòa và gia đình ông bà để làm cơ sở cho hai gia đình sinh sống, tăng gia sản xuất. Hai bên đã thống nhất ký biên bản và có xác nhận của trưởng xóm D.

Việc gia đình bà Q ông C làm Giấy CNQSD đất ông bà không hề biết và GCNQSD đất UBND huyện K cấp cho hộ ông C trên đã lấn vào đất của gia đình là 518m². Nay bà Q kiện đòi gia đình ông bà phải trả 895m² đất là không có căn cứ.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn luật sư Lỗ Hữu Thạch có ý kiến:* Căn cứ vào giấy chuyển nhượng đất của 03 hộ gia đình: ông L 805m², ông T 450m², ông B 1.080m², tổng diện tích đất mà hộ ông C bà Q nhận chuyển nhượng của 03 hộ là 2.405m², so với Giấy CNQSD đất được cấp là 2.923,1m² thì hộ ông C bà Q đã lấn sang đất gia đình ông D bà B 518m². Đất nhà ông D, bà B đang sử dụng do bố mẹ ông D cho, nguồn gốc đất khai hoang và sử dụng từ năm 1987 không có tranh chấp. Do đó việc thu hồi và cấp đất của UBND xã M, UBND huyện K là không đúng quy định của pháp luật.

Tại biên bản thẩm định tại chỗ (BL:121): ngày 23/5/2017 đã xác định diện tích đất tranh chấp là 850m². Tài sản trên đất gồm 17 rãnh mía, chiều dài mỗi rãnh là 12m, trồng được khoảng 10 ngày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DSST ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q: Buộc hộ gia đình bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn D phải trả lại 895m² đất đã lấn chiếm cho hộ bà Nguyễn Thị Q, tại thửa đất số 294, tờ bản đồ số 31. Xác nhận bà Nguyễn Thị Q có quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất 2923,1m² tại thửa số 294, tờ bản đồ số 31, địa chỉ: xóm D, xã M, huyện K, tỉnh Hòa Bình. Thửa đất có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường QL6, phía Nam giáp đất hộ ông Nguyễn Trung K, phía Đông giáp đất bà Nguyễn Thị Q, phía Tây giáp đất hộ ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị B. (Có sơ đồ diện tích đất kèm theo). Bà Nguyễn Thị Q phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị B số tiền là 1.672.000 đồng (*Một triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng*).

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/9/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn D giữ nguyên nội dung kháng cáo

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện K là không đúng quy định. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến.* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Năm 2006, 2007 bà Nguyễn Thị Q đã kê khai và mua đất khai hoang của các hộ, do các hộ chưa xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đất thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã, quá trình tiến hành thu hồi, cấp và xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị B có thừa nhận ký và ký thay cho chồng vào biên bản. Do đó căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Bà Nguyễn Thị Q có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện K giải quyết việc tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị B. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại: xã M, huyện K. Do đó Tòa án nhân dân huyện K thụ lý và giải quyết vụ án là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị B phải trả cho bà diện tích 895 m², nằm trong diện tích 2.923,1 m². Thửa đất 294, tờ bản đồ số 31 mang tên hộ ông Nguyễn Văn C (chồng bà Q) đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tranh chấp đất đai quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 là đúng pháp luật.

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị B. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Diện tích đất tranh chấp 895m² là một phần trong tổng diện tích 2.923,1m², thuộc thửa đất số 294, tờ bản đồ 31 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 986143 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình, cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C ngày 28/11/2007. Ông Nguyễn Văn C đã chết ngày 04/8/2013 nên bà Nguyễn Thị Q có quyền khởi kiện vụ án dân sự.

Bà Q khai nguồn gốc đất là do gia đình bà mua lại các hộ ông Vũ Văn B ngày 13/10/2006: 30x 36m², hộ ông Nguyễn Văn L ngày 16/4/2007 diện tích: 25 x 35m², hộ ông Nguyễn Văn T ngày 22/11/2006 với chiều rộng 30m², không có chiều dài. Như vậy, theo lời khai của bà Q, nguồn gốc đất của hộ ông C mua của

3 hộ, nhưng không rõ diện tích, vị trí, không có tứ cận, đất chuyển nhượng đều chưa được cấp GCNQSD đất.

Theo lời khai của bị đơn và những người làm chứng thì gia đình ông D bà B đã sử dụng diện tích trên từ năm 1987, trước thời điểm ông C xây dựng gia đình với bà và trước thời điểm hộ ông C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh, đại diện phòng tài nguyên môi trường huyện K cung cấp (BL 123) thể hiện: Các hộ gia đình làm đơn xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ (tạm xin giao đất) gửi UBND xã M, sau đó Ủy ban nhân dân xã tiến hành kiểm tra, đo đạc diện tích, trình Hội đồng tư vấn và trình phòng tài nguyên môi trường, phòng đã tiến hành thẩm tra đất đai, các hộ giáp danh thửa đất đều ký vào biên bản. Sau đó trình UBND huyện thu hồi diện tích .923,1m², tại thửa 294, tờ bản đồ số 31, đồng thời giao đất và cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn C. Tất cả các trình tự thủ tục đều đúng.

Cũng tại biên bản xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm ngày 07/6/2017 (BL 124) đại diện địa chính xã M cung cấp: Thủ tục cấp giấy CNQSD đất cho anh C, chị Q chủ yếu do Phòng tài nguyên môi trường huyện K thực hiện và lưu trữ. Tại UBND xã M chỉ lưu trữ hồ sơ đầy đủ từ năm 2009 đến nay.

Tại biên bản thẩm tra hồ sơ đất đai (BL 110) do phòng Tài nguyên môi trường huyện K cung cấp: Thành phần tham gia gồm đại diện phòng tài nguyên môi trường là ông Lý Thanh B không có chữ ký; Đại diện chính quyền xóm ông Nguyễn Văn T không có chữ ký; ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B không tham gia nhưng lại có chữ ký vào biên bản. Mặt khác phía bị đơn ông Nguyễn Văn D bị lừa, không biết ký, chỉ điểm chỉ, song lại có chữ ký và ghi rõ họ và tên trong biên bản.

Tại biên bản họp Hội đồng tư vấn và giao đất xã M (BL 117): thành phần gồm Chủ tịch xã, Phó Chủ tịch HĐND, Phó Bí thư thường trực đảng ủy, cán bộ địa chính, cán bộ tư pháp, Chủ tịch Ủy ban mặt trận tổ quốc, trưởng các xóm, tổng số 23 người tham gia nhưng chỉ có 04 người ký vào biên bản.

Mặt khác khi Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại giấy chứng nhận số AĐ 986143 cấp ngày 28/11/2017 thể hiện diện tích thửa 294; diện tích 2.923,1m². Chỉ có 3 cạnh ghi rõ diện tích, chiều cạnh dài mặt trước thửa đất giáp quốc lộ 6A không có diện tích, mà chỉ thể hiện 361,2 m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn giao thông.

Trong quá trình giải quyết ở Tòa án cấp phúc thẩm, ngày 08/11/2017 ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị B có đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tiến

hành xác minh tại cơ sở, trình tự, thủ tục trong quá trình xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn C.

Theo biên bản làm việc ngày 19/12/2017 đại diện phòng Tài nguyên môi trường huyện K cung cấp: Trong sổ mục kê do chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai cung cấp: Tại tờ bản đồ số 31, nguồn gốc đất hộ ông Nguyễn Văn C, thửa số 294 có diện tích 2.923,1m² đất vườn. Tổng số diện tích này được hợp nhất với thửa 208a thành thửa 295 hợp với thửa 295. Tuy nhiên trong sổ mục kê không có thửa 208a. Thửa số 295 mang tên hộ ông Đỗ Văn K, tại tờ bản đồ số 31, tổng diện tích 360m², trong đó diện tích đất thổ cư 260m², diện tích đất vườn 100m². Thửa 295 này không trùng tên với 3 hộ ông Vũ Văn B, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn T như bà Q khai. Việc đo đạc, trích lục thửa đất và xác định mốc giới do cán bộ đại chính xã M, huyện K tiến hành và lập hồ sơ, Phòng Tài nguyên môi trường huyện K thẩm định và kiểm tra lại hồ sơ và tờ trình do xã cung cấp, sau đó xem xét và tham mưu cho UBND huyện ra quyết định thu hồi, giao đất và cấp GCNQSD đất cho ông C. Khi thu hồi theo quyết định thì không cụ thể từng thửa diện tích bao nhiêu mà thu hồi tổng diện tích. Toàn bộ trình tự thủ tục công khai hồ sơ đăng ký, bên bản kiểm tra hồ sơ đăng ký và xem xét cấp giấy CNQSD đất đều do xã làm thủ tục, phòng tài nguyên không làm các thủ tục này, mà phòng chỉ đi thẩm định kiểm tra và tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện cấp GCNQSD đất. Toàn bộ hồ sơ lưu giữ do Ủy ban nhân dân xã quản lý.

Tại biên bản làm việc của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đối với UBND xã M thể hiện: nguồn gốc thửa đất số 294 của hộ ông Nguyễn Văn C có nguồn gốc hình thành từ thửa số 196 thuộc đất do Ủy ban nhân dân xã M quản lý, loại đất hoang hóa, diện tích 5.914m², đo đạc năm 1997, 1998 là quy chủ. Đến năm 2007 thì Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục cấp GCNQSD đất diện tích 2.923,1m², số diện tích đất còn lại đang thực hiện việc đo đạc theo bản đồ 672, dự án của Thủ tướng chính phủ về việc đo đạc, xác định ranh giới, mốc giới đất lâm nghiệp. 03 hộ ông Vũ Văn B, ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn T chuyển nhượng đất cho bà Q không có tên trong sổ địa chính do UBND xã M quản lý. Toàn bộ hồ sơ cấp GCNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn C hiện xã không lưu giữ.

Qua xác minh thấy rằng toàn bộ tài liệu do xã M và Phòng tài nguyên môi trường huyện K cung cấp có nhiều mâu thuẫn, không thống nhất.

Như vậy việc UBND huyện K cấp GCNQSD đất đối với toàn bộ diện tích 2923,1 m² đất cho hộ bà Q là không đúng quy trình, không phù hợp với thực tế sử dụng đất và nhiều giấy tờ thiếu khách quan. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu chứng cứ, xác minh tại Ủy ban các cấp có thẩm quyền từ trình tự, thủ tục, quy trình cấp giấy chứng nhận QSDĐ để làm rõ nội dung cấp GCNQSD đất cho hộ ông C (chồng bà Q) có hợp pháp hay không mà đã xác định diện tích

đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn và buộc các bị đơn phải trả đất là chưa có cơ sở vững chắc. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q, buộc hộ gia đình bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn D phải trả lại 895m² đất đã lấn chiếm cho hộ chị Nguyễn Thị Q là chưa đảm bảo, ảnh hưởng quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện K thu hồi GCNQSD đất số AD 986143 mang tên hộ ông Nguyễn Văn C, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 28/11/2017. Đề xem xét lại cho đúng hiện trạng sử dụng đất của 02 hộ, để thực hiện trình tự thủ tục và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q khai: Nguồn gốc thửa đất bà mua lại của 03 hộ ông Vũ Văn B, hộ ông Nguyễn Văn L và hộ ông Nguyễn Văn T, đều trú tại: Xóm D, xã M, huyện K, tỉnh Hòa Bình, ngoài ra còn có diện tích đất của bố, mẹ chồng cho 594 m² đất ở và một khoảng đất vườn không rõ diện tích. Bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị B khai nguồn gốc thửa đất của gia đình ông do bố mẹ của ông D là ông Nguyễn Thế V và bà Đinh Thị Th cho khi gia đình ông ra ở riêng. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà V, ông Th vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan trong vụ án và không tiến hành lấy lời khai của những người này là thiếu sót, vi phạm thủ tục tố tụng dân sự.

[3] Ngoài ra, đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông D và bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là không đúng với quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 17 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót khi giải quyết nội dung vụ án cũng như vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, tại phiên tòa cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị B, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị B không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị B. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DSST ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Q và bị đơn là ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị B. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị B không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị B 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 05390 ngày 05/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hòa Bình.

Án phí sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết tại cấp sơ thẩm.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao; VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Dụ

Lương Văn Can

Nguyễn Mạnh Hùng